

Bản án số: **01/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 21-8-2019

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Quân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Mạnh Thắng

2. Ông Nguyễn Quang Hưng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đông – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:
Không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2019/TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 06 năm 2019 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 31-7-2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị A; sinh ngày 03-02-1994; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Số Giấy CMND: 061025556; ngày cấp: 29-3-2012; Nơi cấp: Công an tỉnh Yên Bái.

Địa chỉ cư trú: Thôn Phô 1, xã K, huyện C, tỉnh Yên Bái.

(Có mặt tại phiên tòa)

- *Bị đơn:* Anh Phạm Đức H, sinh ngày 10-01-1968; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Hộ chiếu số: N 1929936; ngày cấp: 12-02-2018; Nơi cấp: Đại sứ quán Việt Nam tại Đức cấp thay cho Hộ chiếu số: N 1173427; ngày cấp: 08-3-2008; Nơi cấp: Đại sứ quán Việt Nam tại Berlin.

Địa chỉ: M 09, 95444 B, Cộng hòa Liên bang Đức;

Chỗ ở hiện nay: K Str:109 – 22045 X, Cộng hòa Liên bang Đức;

(Anh Phạm Đức H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Người đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Đức H về việc giao nhận các văn bản tố tụng: Ông Đặng Tuấn N – sinh năm 1958;

Địa chỉ: chung cư B, phường Y, quận Đ, thành phố Hà Nội (Văn bản ủy quyền ngày 20-5-2019).

(Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày: Chị và anh Phạm Đức H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ngày 28-7-2014. Sau khi kết hôn, anh H về Cộng hòa Liên bang Đức, còn chị sống cùng mẹ đẻ tại quê nhà ở tỉnh Yên Bái. Do không cùng chung sống nên vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Đức H.

Về con chung: Giữa chị và anh Phạm Đức H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Giữa chị và anh Phạm Đức H không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai; Đơn đề nghị về việc giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn anh Phạm Đức H trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị A kết hôn ngày 28-7-2014, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái. Chung sống đến thời gian 31-12-2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chênh lệch tuổi tác, quan điểm sống, địa lý xa cách. Không hợp nhau vì lối sống. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn.

Về con chung, tài sản chung và công nợ chung: Không có .

Vì điều kiện địa lý xa xôi, không thể về Việt Nam giải quyết ly hôn được nên anh đã đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án không hòa giải và xin được xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn giữa các đương sự là công dân Việt Nam và bị đơn đang cư trú ở nước ngoài. Khi kết hôn các đương sự đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái, Việt Nam. Theo quy định tại Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái, Việt Nam.

[2] Các đương sự đều đã có lời khai, cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ theo quy định của pháp luật và bị đơn có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt hợp lệ. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Chị Nguyễn Thị A và anh Phạm Đức H kết hôn ngày 28-7-2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị A thấy rằng: Chị Nguyễn Thị A và anh Phạm Đức H đều có lời khai thống nhất về tình trạng quan hệ hôn nhân đó là: Sau khi kết hôn, anh Phạm Đức H về Cộng hòa Liên bang Đức sinh sống, từ đó anh chị không cùng chung sống nên không còn tình cảm với nhau. Nguyên nhân là do chênh lệch tuổi, không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống, điều kiện địa lý xa cách. Nay chị Nguyễn Thị A và anh Phạm Đức H đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị Nguyễn Thị A xin ly hôn, anh Phạm Đức H đồng ý, cho thấy tình trạng hôn nhân đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể thực hiện, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần chấp nhận yêu cầu và xử cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh Phạm Đức H là phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Chị Nguyễn Thị A và anh Phạm Đức H không có con chung nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

[6] Chị Nguyễn Thị A và anh Phạm Đức H không có tài sản chung, nợ chung nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147; khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 228; điểm d khoản 1 Điều 469; điểm a khoản 5 Điều 477; khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh Phạm Đức H.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000,đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000,đồng đã nộp tại Cục Thi hành dân sự tỉnh Yên Bái theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0002567 ngày 04-6-2019. chị Nguyễn Thị A đã nộp đủ số tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Chị Nguyễn Thị A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Phạm Đức H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01(một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Cục THADS tỉnh Yên Bái;
- UBND tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ vụ án; HCTP; TA../.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hồng Quân